

Số: 3431/QĐ-UBND

Mộc Châu, ngày 02 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn huyện Mộc Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Căn cứ Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 406/TTr-PNV ngày 02 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (khác giáo dục) trực thuộc UBND huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn huyện Mộc Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của UBND huyện Mộc Châu về việc ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ

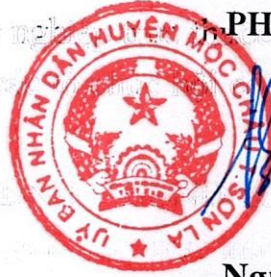
hàng năm của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn huyện Mộc Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (*khác giáo dục*) trực thuộc UBND huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ban Tổ chức huyện ủy;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV, 50b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoa



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU

3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức hội đặc thù trên địa bàn huyện Mộc Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU ngày 02/12/2020 của UBND huyện)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi

Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, hồ sơ đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các tổ chức hội có tính chất đặc thù (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, các đơn vị sự nghiệp: Truyền thông - Văn hóa, Trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp huyện, Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn huyện Mộc Châu.

2. Quy định này không áp dụng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo trực thuộc UBND huyện.

Điều 3. Mục đích đánh giá

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị để phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế yếu kém nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả trong công tác tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân huyện trong từng lĩnh vực chuyên môn và trong công tác chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

3. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, của huyện và những công việc được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao; đồng thời xem xét đến tính chất, hiệu quả công việc, sự năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khoa học, khách quan, công khai, dân chủ, công bằng; phản ánh đúng những kết quả đã đạt được, đồng thời phải xác định, làm rõ được số lượng, khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của cơ quan, đơn vị để đề ra những giải pháp khắc phục thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm tiếp theo.

3. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại thứ tự theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp, trong đó số lượng cơ quan, đơn vị được xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số cơ quan, đơn vị được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được xếp theo từng nhóm cơ quan, đơn vị có vị trí, chức năng, nhiệm vụ tương đồng (20% đối với cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện; 20% đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, 20% đối với tổ chức hội có tính chất đặc thù)

4. Việc tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được tổ chức định kỳ vào tháng 12 hàng năm và chậm nhất ngày 15/12 hàng năm, các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ về cơ quan thường trực hội đồng đánh giá huyện (Phòng Nội vụ). Việc phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành chậm nhất trước ngày 21/12 của năm đánh giá.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI

Điều 5. Tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện (*Theo phụ lục 1 kèm theo Quyết định này*).

2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (khác giáo dục) trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện (*theo phụ lục 2 kèm theo Quyết định này*).

3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (*theo phụ lục số 3 kèm theo Quyết định này*).

4. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các tổ chức hội có tính chất đặc thù (*theo phụ lục số 4 kèm theo Quyết định này*).

Điều 6. Phương pháp chấm điểm

Căn cứ vào thang điểm chuẩn của từng tiêu chí, các cơ quan, đơn vị đối chiếu với kết quả công việc đã thực hiện trong năm để tiến hành chấm điểm cho từng tiêu chí, cụ thể:

- Đạt điểm tối đa theo từng tiêu chí khi cơ quan, đơn vị thực hiện tốt, đảm bảo các nội dung theo quy định của từng tiêu chí theo phụ lục tương ứng tại Điều 5, Quy định này.

- Điểm cộng: theo từng tiêu chí tại các Phụ lục tại Quy định này

- Điểm trừ: theo cách tính tại các Phụ lục tại Quy định này (Lưu ý: không trừ quá số điểm tối đa theo từng tiêu chí).

Điều 7. Xác định kết quả xếp loại

1. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị được chia thành 4 mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

1.1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên và lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu tối đa 20% số cơ quan, đơn vị được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng nhóm đối tượng.

Trường hợp có 02 cơ quan, đơn vị trở lên bằng điểm nhau ở chỉ tiêu cuối cùng để xét hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì Chủ tịch Hội đồng đánh giá xem xét quyết định cơ quan, đơn vị xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

1.2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 80 điểm trở lên.

1.3. Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 80 điểm.

1.4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm.

2. Điểm để xác định kết quả xếp loại của các cơ quan, đơn vị là tổng điểm (gồm điểm chấm theo tiêu chí, điểm thưởng, điểm trừ) sau khi được Hội đồng đánh giá của huyện thẩm định trên cơ sở từng tiêu chí tại Quy định này.

Chương III

THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Thành phần Hội đồng đánh giá và thẩm quyền đánh giá

1. Thành lập Hội đồng đánh giá

- Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng đánh giá để tổ chức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị. Thành phần Hội đồng đánh giá gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND huyện;

+ Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng: Trưởng phòng Nội vụ;

+ Các Ủy viên Hội đồng gồm: Người đứng đầu các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND huyện, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thanh tra huyện, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Tư pháp, Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện.

+ Mời: Thường trực HĐND huyện; lãnh đạo Ban Tổ chức huyện ủy, lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, lãnh đạo Liên đoàn Lao động huyện.

+ Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá

+ Đánh giá, chấm điểm đối với các tiêu chí trong phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Quy định này.

+ Thẩm định, xem xét quy trình, thủ tục, kết quả chấm điểm trình Chủ tịch UBND huyện xét duyệt, xếp loại các cơ quan, đơn vị theo Điều 6 của Quy định này.

+ Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chuẩn bị nội dung báo cáo kết quả xếp loại các cơ quan, đơn vị.

- Thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng

+ Tổ giúp việc của Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập, thành phần gồm:

+ Tổ trưởng: Trưởng phòng Nội vụ - Ủy viên Hội đồng đánh giá.

+ Tổ phó: Phó Trưởng phòng Nội vụ.

+ Các thành viên: Lãnh đạo và chuyên viên các phòng có liên quan của các cơ quan: Văn phòng HĐND - UBND huyện, Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Tư pháp, Thanh tra, Văn hóa - Thông tin.

+ Thư ký: Chuyên viên Phòng Nội vụ.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giúp việc: Thẩm định, rà soát, tổng hợp kết quả tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị, đối chiếu với các tiêu chí tại Quy định này. Đề xuất với Hội đồng đánh giá kết quả thẩm định đối với các cơ quan, đơn vị. Dự thảo báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

2. Thẩm quyền đánh giá

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

Điều 9. Hồ sơ đánh giá

Hồ sơ đánh giá gồm:

- Báo cáo kết quả công tác năm của cơ quan, đơn vị;

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo từng tiêu chí đánh giá (kèm theo phụ lục chấm điểm theo từng tiêu chí).

- Biên bản họp xét đánh giá của cơ quan, đơn vị.
- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo.
- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Trình tự đánh giá, xếp loại

1. Các cơ quan, đơn vị tiến hành họp cơ quan, đơn vị, căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đối chiếu với từng tiêu chí trong Quy định này tiến hành tự đánh giá, chấm điểm và tự nhận mức độ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ tương ứng tại Điều 7 Quy định này, gửi hồ sơ đánh giá về Hội đồng đánh giá (*qua cơ quan thường trực - Phòng Nội vụ huyện*).
2. Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị; giúp Hội đồng chỉ đạo, phân công, kiểm tra tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ.
3. Tổ giúp việc thực hiện thẩm định, báo cáo Hội đồng đánh giá.
4. Hội đồng đánh giá họp, nghe báo cáo kết quả thẩm định của Tổ giúp việc, biểu quyết thống nhất kết quả đánh giá, trình Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.
5. Chủ tịch UBND huyện Quyết định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị.

Điều 11. Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại.

1. Kết quả đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn là cơ sở quan trọng để xét thi đua, khen thưởng đối với mỗi đơn vị và là cơ sở để xem xét, đánh giá xếp loại cuối năm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.
2. Cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó liên quan của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Phòng Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, đảm bảo hàng năm tổ chức đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được chính xác, khách quan.
2. Văn phòng HĐND - UBND huyện, Tổ công tác 1805 có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc của các cơ quan, đơn vị phục vụ cho việc đánh giá, xếp loại; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện tổng hợp, báo cáo tình hình giải quyết TTHC của các cơ

quan, đơn vị gửi Phòng Nội vụ làm cơ sở để tổng hợp, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Thanh tra huyện phối hợp với Ban Tiếp công dân có trách nhiệm theo dõi việc phối hợp, tham mưu giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, đơn vị, tổng hợp gửi Phòng Nội vụ làm cơ sở để tổng hợp, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

4. Các cơ quan, đơn vị trên cơ sở quy định này hằng năm nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Phòng Nội vụ kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC 1

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN
MÔN THUỘC UBND HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ	52
1	Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác	21
1.1	Thông tin, tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các văn bản mới của Đảng, Nhà nước và của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan	5
1.2	Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý	6
1.3	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, đúng thời gian quy định.	5
1.4	Thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả sự phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trong triển khai nhiệm vụ	5
2	Công tác thanh tra, kiểm tra, thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	11
2.1	Ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo ngành, lĩnh vực.	2
2.2	Việc đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm (<i>hạn chế, yếu kém đã được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm</i>); kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém được chỉ ra trong năm	3
2.3	Giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư, khiếu nại, tố cáo.	2
2.4	Thực hiện tốt các quy định về phòng, chống tham nhũng; kê khai tài sản thu nhập cá nhân.	2
2.5	Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí	2
3	Thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý theo quy định, các nội quy, quy chế và chế độ làm việc hiện hành	20
3.1	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND huyện; Quy chế làm việc của cơ quan	3
3.2	Thực hiện công tác dân chủ, dân vận chính quyền	3
3.3	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ	3
3.4	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng	2
3.5	Quản lý tài chính, ngân sách được cấp	2
3.6	Xây dựng cơ quan đoàn kết, vững mạnh; không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật	2
3.7	Thực hiện việc áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	2
3.8	Thực hiện nghiêm quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc	3


STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	40
1	Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao	5
2	Mức độ hoàn thành các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm	15
3	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	20
III	ĐIỂM THƯỞNG	8
1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong công tác tham mưu, giúp việc cho UBND huyện, được UBND huyện công nhận	5
2	Có từ 02 đề tài, sáng kiến trở lên được UBND huyện hoặc UBND tỉnh công nhận	3
	TỔNG ĐIỂM: I+II+III = 100	
IV	ĐIỂM TRỪ	
1	Tham mưu ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm	
2	Bị Chủ tịch UBND huyện, hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm	
3	Có đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết trừ 1 điểm	
4	Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền, mỗi trường hợp trừ 1 điểm	
5	Trong cơ quan xảy ra các vụ việc tham ô, tham nhũng, có thành viên lãnh đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố, có vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bị hạ một bậc xếp loại	
6	Có công chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 1 điểm	
7	Có công chức bị khởi tố, bị trừ 03 điểm cho mỗi trường	

PHỤ LỤC 2

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP KHÁC GIÁO DỤC**

(Kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
1	Đơn vị chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND huyện	5
2	Xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm về thực hiện nhiệm vụ	25
3	Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao ngoài nhiệm vụ thường xuyên (tính theo tỷ lệ công việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ so với tổng số công việc được giao trong năm)	10
4	Phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công	5
5	Thực hiện tốt kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	5
6	Giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền được giao. Không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tính điểm tối đa	5
7	Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo với cơ quan có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định (báo cáo định kỳ, đột xuất)	5
8	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND huyện; Quy chế làm việc của cơ quan	5
9	Thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng trong nội bộ đơn vị, kê khai tài sản thu nhập cá nhân	5
10	Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách được cấp	5
11	Thực hiện công tác dân chủ	5
12	Thực hiện công tác Văn thư - Lưu trữ	5
13	Thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng	5
14	Quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức có hiệu quả; Cán bộ, viên chức thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; thực hiện nghiêm quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc	5
	Cộng	95
13	Điểm thưởng	
13.1	Có đề tài sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận	2
13.2	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong thực hiện nhiệm vụ (được cấp có thẩm quyền công nhận)	3
15	Điểm trừ	
15.1	Có đơn thư tố cáo vượt cấp mà được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 1 điểm	
15.2	Trong đơn vị có vụ việc tham ô, tham nhũng; có thành viên lãnh	



STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	đạo trong cơ quan bị kỷ luật hoặc khởi tố, mỗi trường hợp bị trừ 3 điểm	
15.3	Có viên chức vi phạm kỷ luật, bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên, mỗi trường hợp trừ 01 điểm	

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, THỊ TRẤN
 (Kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC, TẬP THỂ	52
1	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác	11
1.1	Ban hành và tổ chức thực hiện công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật; kiểm tra rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL; theo dõi thi hành pháp luật	5
1.2	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin	6
2	Việc thực hiện nguyên tắc tổ chức, cơ chế quản lý theo quy định; các nội quy, quy chế và chế độ làm việc hiện hành	21
2.1	Thực hiện tốt Quy chế làm việc	3
2.2	Thực hiện tốt Quy chế dân vận chính quyền và Quy chế dân chủ trong cơ quan nhà nước	3
2.3	Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài chính, tài sản công	3
2.4	Thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở; thực hiện nghiêm quy định không hút thuốc lá tại nơi làm việc	3
2.5	Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng	3
2.6	Thực hiện tốt công tác Văn thư - lưu trữ	3
2.7	Thực hiện việc áp dụng, duy trì hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001	3
3	Công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu	20
3.1	Thực hiện kiểm tra cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trong thực hiện nhiệm vụ	4
3.2	Tổ chức tiếp công dân theo quy định	4
3.3	Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền và khi được giao đúng quy định của pháp luật.	4
3.4	Thực hiện tốt các quy định về phòng, chống tham nhũng	4
3.5	Thực hiện công tác tiết kiệm, chống lãng phí	4
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	40
1	Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND các xã, thị trấn	5
2	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	5
3	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh,	24

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
	Quốc phòng trên địa bàn huyện	
3.1	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế	8
3.2	Thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu về văn hóa xã hội	8
3.3	Thực hiện tốt và hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh	8
4	Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong năm (được cấp có thẩm quyền kết luận hoặc tại các cuộc kiểm tra trong năm)	6
III	ĐIỂM CỘNG	8
1	Thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch UBND huyện giao từ đầu năm 20% trở lên được cộng 2 điểm	2
2	Nằm trong top đầu về chỉ số CCHC đã được UBND huyện công bố	3
3	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn; thực hiện kịp thời, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao	3
	TỔNG ĐIỂM: I+II+III = 100	
IV	ĐIỂM TRỪ	
1	Tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cơ quan có thẩm quyền, một văn bản trừ 01 điểm	
2	Bị Chủ tịch UBND huyện hoặc cấp có thẩm quyền có văn bản phê bình, nhắc nhở trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi lần trừ 0,5 điểm	
3	Có cán bộ, công chức bị xử lý vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, mỗi trường hợp trừ 1 điểm	
4	Có cán bộ, công chức bị khởi tố, mỗi trường hợp trừ 3 điểm	

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI ĐẶC
THÙ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 3431/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ	60
1.1	Ban hành kế hoạch công tác năm để tổ chức và hoạt động phù hợp với lĩnh vực hoạt động của tổ chức hội	5
1.2	Tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch hàng năm	20
1.3	Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Điều lệ hội	5
1.4	Thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật tới toàn thể hội viên	5
1.5	Thực hiện tốt các nhiệm vụ do Hội cấp trên và UBND huyện giao	15
1.6	Giải quyết đúng quy định của pháp luật về đơn thư, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của hội	5
1.7	Thực hiện nghiêm túc, chấp hành đầy đủ các chế độ thông tin báo cáo theo quy định	5
2	Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức và hoạt động hội	30
2.1	Tập thể lãnh đạo hội đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động hội	10
2.2	Xây dựng tổ chức hội vững mạnh; thực hiện phát triển hội viên của hội	5
2.3	Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý tài chính, tài sản công của hội	10
2.4	Công tác Văn thư lưu trữ	2
2.4	Thực hiện Thi đua khen thưởng theo đúng quy định	3
	Cộng	90
3	Điểm thưởng	
3.1	Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong hoạt động của hội, góp phần quan trọng trong công tác xã hội hóa, phát triển kinh tế, xã hội của huyện	5
3.2	Có những sáng kiến, giải pháp mới trong hoạt động của hội đem lại hiệu quả, thiết thực và được UBND huyện công nhận	5
4	Điểm trừ	
	Có đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền mà không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời, không thỏa đáng dẫn đến đơn thư vượt cấp (trừ đơn thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo phản ánh, mỗi trường hợp trừ 01 điểm, đúng 01 phần thì trừ 0,5 điểm	